TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2023/DS-PT
Ngày 06 tháng 7 năm 2023
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khưu Để Dành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, ông Lê Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Phan Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2022/QĐXX-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 14/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 484/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 34/5, khóm N phường M, thành phố L, tỉnh A(có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 28/5A, khóm Nguyễn Du, phường Mỹ Bình thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 34/5A, khóm N phường M, thành phố L, tỉnh A(vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 34/5A, khóm N phường M, thành phố L, tỉnh A(có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phan Ngọc Minh là Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1930; địa chỉ: Số 34/5, khóm N phường M, thành phố L, tỉnh A(chết ngày 08/01/2022).

2. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954 ; địa chỉ: Số 107, tổ 6, ấp Đông Hậu, thị trấn Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh L (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 10/5B, khóm N phường M, thành phố L, tỉnh A(có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 331/68/46 Vườn Lài, phường A, Quận 1, Thành phố H (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Tuyết D, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 216/9G, khóm Phó Quế, phường Mỹ L, thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt).

7. ÔngNguyễn Thanh P, sinh năm 1963 (chết ngày 05/5/2019)

Những người thừa kế thế vị của ông P (các con ông P) gồm:

Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1989 (có mặt).

Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1996 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 10/5C, khóm Nguyễn Du, phường Mỹ Bình, thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang.

8. Bà Nguyễn Thị Ngọc E, sinh 1964 (vợ ông P đã ly hôn năm 2012)

Địa chỉ: Số 10/5C, khóm N phường M, thành phố L, tỉnh A(vắng mặt).

9. Bà Huỳnh Thị Khang Trang, sinh năm 1975 (vắng mặt).

10. A Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1999 (vắng mặt).

11. Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Bà Trang là người đại diện theo pháp luật của chị Mai.

Cùng địa chỉ: Số 34/5, khóm Nguyễn Du, phường Mỹ Bình, thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh V: Ông Nguyễn Thanh S (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tuyết A: Ông C, sinh 1965; địa chỉ: Số 34/5A, khóm N phường M, thành phố L, tỉnh A(có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Tuyết D, ông Nguyễn Thanh V: Ông Bùi Quốc Nm, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang - theo giấy ủy quyền ngày 12/3/2021 (vắng mặt).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đỗ Thị Đ: Ông

Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thanh X, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Tuyết A, bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Tuyết D, ông Nguyễn Thanh C (là các đương sự được ghi họ tên, năm sinh, địa chỉ nêu trên).

- *Người kháng cáo*:

1. Ông Nguyễn Thanh C là nguyên đơn;

2. Ông Nguyễn Thanh L là bị đơn.

NỘID VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày: Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Nhì (chết ngày 27/10/2014) và cụ Đỗ Thị Đ (chết ngày 08/01/2022). Cụ Nhì. Cụ Đ có 10 người con gồm: Ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thanh X, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Tuyết A, ôngNguyễn Thanh P (đã chết năm 2019), bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Tuyết D và ông. ÔngNguyễn Thanh P có vợ là Nguyễn Thị Ngọc E (đã ly hôn năm 2012) và có 03 người con là Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Mỹ T.

Cụ Nhì, cụ Đ tạo lập được đất có diện tích 183,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 4, 45, 8, 36, 38, 21, 39 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 17/6/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L Xuyên. Trên đất gắn liền căn nhà có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, có diện tích 85,2m^2 có kèm nhà vệ sinh diện tích 3,2m^2 và căn nhà có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole có diện tích 33,1m^2 gắn với mái che nền láng xi măng cộng đal, cộng gạch bông, khung gỗ tràm, vách tole cộng mái tole, có diện tích 21,6m^2. Nhà và đất chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và quyền sở hữu. Cha mẹ và các A của ông sinh sống ổn định trên đất này từ năm 1960. Năm 1991, cụ Nhì, cụ Đ có kê khai đăng ký nhà đất với diện tích là 126m^2, có biên bản giám định hiện trạng, nguồn gốc nhà đất ngày 18/6/1993.

Do các A em không thể tự thỏa thuận được với nhau về việc chia thừa kế nên ông yêu cầu chia di sản thừa kế của cha là 50% giá trị tài sản trên theo quy định pháp luật; ông yêu cầu được nhận phần của mẹ khi còn sống đồng ý cho trong quá trình Tòa án giải quyết và tại Văn bản tặng cho tài sản, di sản thừa kế ngày 09/4/2021. Ông C yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán kỷ phần cho các đồng thừa kế còn lại là các A chị em V, N, L, Q, X, A,H, P,D theo giá của Hội đồng định đã định ngày 22/02/2022. Ông yêu cầu bà Tuyết A tháo dỡ mái che của bà, ông Q tháo dỡ phần nhà xây dựng lấn sang phần đất thừa kế. Đối với yêu cầu trích 01 phần giá trị di sản để trả công tôn tạo, giữ gìn, ông C tự nguyện rút lại. Phần đất trống giữa hai căn nhà không phải là lối đi của riêng bà A như bà A đã trình bày mà là cha mẹ muốn có khoảng không gian cho thoải mái và tạo thêm điều kiện qua lại giữa các con nên không xây cất nhà trên phần đất này. Về việc tạo lối đi theo yêu cầu của bà Tuyết A là nằm giữa đất thì ông không đồng ý. Sau này, nếu có lối đi công cộng là bờ kè như dự án và phía bà A không có lối đi nào khác thì ông đồng ý tạo lối đi bà A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện về việc tính công sức đóng góp, tôn tạo di sản.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh L trình bày: Ông thống nhất cha mẹ ông là cụ Nhì, cụ Đ có 10 người con chung như ông C trình bày. Cha ông chết năm 2014, mẹ ông chết năm 2022 không để lại di chúc. Khi còn sống, cha mẹ ông khai phá được đất có diện tích 175,4m^2, không phải là 183,2m^2 như C trình bày. Do phải trừ một phần 7,8m^2 là diện tích thời gian qua ông Q trực tiếp quản lý, sử dụng không phải là di sản thừa kế. Trên đất có nhà cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, có diện tích 85,2m^{2}gắn với nhà vệ sinh có diện tích 3,2m^2 và căn nhà có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole có diện tích 33,1m^2 gắn với mái che nền láng xi măng cộng đal, cộng gạch bông, khung gỗ tràm, vách tole cộng mái tole, có diện tích 21,6m^2. Ông C và vợ con đang quản lý sử dụng nhà có diện tích 85,2m^{2}gắn với nhà vệ sinh. Nhà còn lại thì được Tuyết A thường xuyên dọn dẹp, lau chùi, thờ cúng P.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế toàn bộ tài sản nhà, đất của cụ Nhì, cụ Đ để lại theo quy định của pháp luật. Ông không đồng ý việc mẹ ông tặng cho C phần mẹ ông được hưởng vì nhà đất này chưa được cấp quyền sử dụng, sở hữu nên mẹ ông không có quyền tặng cho ai khác. Do đó, khi cha mẹ chết thì tài sản này phải được chia đều cho các A em. Mặt khác, thời điểm mẹ ông viết văn bản tặng cho ông C di sản thì mẹ ông đã lớn tuổi, không sáng suốt. Ngoài ra, ông và các A em không được mẹ thông báo về văn bản tặng cho này nên ông không chấp nhận. Thời gian qua ông C cũng được cha mẹ tặng cho 60 công ruộng ở Tri Tôn, giá hiện Ny là hơn 08 tỷ đồng nên Ny ông không đồng ý việc mẹ ông tiếp tục cho thêm ông C.

Ông xác định, ông và ông X, ông Q, bà Tuyết A và những người con của P đồng ý để ông C được trọn quyền sở hữu và sử dụng đất gắn với nhà có diện tích 85,2m^2 kèm với nhà vệ sinh có diện tích 3,2m^2. Phần còn lại ông và ông X, ông Q, bà Tuyết A và những người con của P đồng ý sở hữu chung và đồng ý tạo lối đi cho gia đình ông C đi ra hẻm Nguyễn Du; đồng ý thanh toán lại ông C phần chênh lệch nếu phần thực nhận cao hơn kỷ phần thừa kế theo giá mà Hội đồng định giá đã định trước đây.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết A trình bày: Thống nhất các A em về hàng thừa kế của cha mẹ bà. Về di sản thừa kế thì bà thống nhất với ý kiến của ông L, ông Q. Diện tích đất cha mẹ để lại là 175,4m^2, không phải là 183,2m^2 như C trình bày, về tài sản gắn trên đất thống nhất gồm có 02 căn nhà và mái che. Cha, mẹ bà chết không để lại di chúc nên bà chỉ đồng ý chia thừa kế toàn bộ di sản theo pháp luật, bà không đồng ý việc mẹ bà tặng cho phần mẹ bà được hưởng lại cho C vì mẹ bà chết không để lại di chúc.

Bà yêu cầu được hưởng di sản thừa kế là sở hữu chung nhà và đất với các A em là L, Q, X và các cháu làV, S, T. Ngoài ra, phần lối đi xuống bờ sông cha bà đã chừa lại từ trước đến Ny với hiện trạng chiều rộng là 1,7m chạy dài hết đất, bà yêu cầu được quyền sử dụng phần lối đi này để xuống bờ sông giặt quần áo. Bà đồng ý thanh toán lại phần chênh lệch giá trị theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh Q trình bày: Ông thống nhất với các A chị em về hàng thừa kế thứ nhất cha mẹ ông và hàng thừa kế thứ nhất của ông P. Di sản của cha mẹ ông để lại không phải là đất 183,2m^2 như biên bản hòa giải và các văn bản trình bày trước đây. Đất mà cha ông để lại là không có diện tích đất mà ông cất nhà vì phần này ông tự khai phá vào năm 1993 đến Ny vẫn chưa kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời gian qua, ông có nộp thuế đất đầy đủ. Tuy nhiên, ông không có yêu cầu, tranh chấp gì đối với phần diện tích đất này. Ny, ông xác định, tài sản cha mẹ để lại là đất có diện tích 175,4m^2. Trên đất có nhà cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, có diện tích 85,2m^{2}gắn với nhà vệ sinh có diện tích 3,2m^2 và căn nhà có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole có diện tích 33,1m^2 gắn với mái che nền láng xi măng cộng đal, cộng gạch bông, khung gỗ tràm, vách tole cộng mái tole, có diện tích 21,6m^2. Ngoài căn nhà và đất mà ông sắp bị thu hồi ra thì gia đình ông không có nơi ở nào khác. Do đó, ông mong muốn được nhận hiện vật như đề nghị của ông L, ông X để có nơi ở và có lối đi ra hẻm Nguyễn Du. Ông thống nhất với cách chia thừa kế của A L và chị Tuyết A. Không đồng ý việc mẹ ông tặng cho phần mẹ được hưởng lại cho C vì mẹ ông chết không để lại di chúc, văn bản mẹ ông tặng cho ông C phần mẹ ông được hưởng thì ông không được mẹ ông thông báo nên ông không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Cụ Đỗ Thị Đ (trước khi chết) trình bày:* Cụ và cụ Nguyễn Văn Nhì (chết năm 2014) có tạo lập được tài sản là nhà gắn liền với 185,2m^2 đất tọa lạc tại khóm Nguyễn Du, phường Mỹ Bình. Qua yêu cầu khởi kiện của ông C, cụ đồng ý giao phần tài sản chung của cụ với cụ Nhì và phần thừa kế cụ được hưởng theo quy định pháp luật cho ông C.

- *Ông Nguyễn Thanh V trình bày:* Ông là con đầu T của cụ Nhì và cụ Đ. Khi cha mẹ ông còn sống thì có tạo lập nhà và đất như C đã trình bày. Cha mẹ ông trước đây ở Vĩnh L. Ông nhớ là khoảng trước năm 1960, cha mẹ dắt ông và em gái là Nguyễn Thị N đến L Xuyên để sinh sống và cất nhà ở trên đất, ở ổn định đến Ny không ai tranh chấp. Q cho rằng phần đất 7,5m^2 do Q tự khai phá, sử dụng là không đúng. Do đó, ông xác định di sản của cha mẹ để lại là 183,2m^2, trên đất có là 01 căn nhà gỗ có diện tích 33,1m^2 kèm mái che có diện tích 21,6m^2 và 01 căn nhà lớn có diện tích 85,2m^2 kèm nhà vệ sinh. Nhà và đất thuộc khóm Nguyễn Du, được vợ chồng C quản lý, sử dụng để chăm sóc cha mẹ, thờ cúng ông bà. Ông C là người chăm sóc cha mẹ nhiều năm qua, giữ gìn tài sản. Ny cha mẹ đã chết, ông C yêu cầu chia di sản thừa kế, ông thống nhất và đồng ý tặng phần của ông được hưởng cho ông C. Thống nhất trích 01 phần di sản thừa kế vì ông C có công sức đóng góp. Về giá trị công sức đóng góp như thế nào thì không thể tính toán được tùy pháp luật xem xét giải quyết. Lúc mẹ ông còn sống, mẹ ông có nguyện vọng tặng cho phần của mẹ được hưởng cho C và việc này có ghi nhận lại tại văn bản tặng cho ngày 09/4/2021, cho C là 101m^2. Về căn nhà thì có người đại diện theo ủy quyền trước đây cũng có trình bày là cũng đồng ý cho C. Ông thống nhất với nguyện vọng của mẹ, không có tranh chấp. Ông thống nhất giá trị tài sản như giá mà Hội đồng định giá định.

- *Bà Nguyễn Thị N trình bày:* Thống nhất cha mẹ bà có 10 người con như mọi người đã nêu. A em bà đều có gia đình riêng nhiều năm. C là người sống chung với cha mẹ, nuôi dưỡng cha mẹ, thờ cúng ông bà. C cũng là người lo hậu sự khi cha mẹ mất. Thống nhất với ông V, ông C về di sản thừa kế của cha để lại, thống nhất với giá trị tài sản như Hội đồng định giá đã định. Bà đồng ý chia toàn bộ di sản thừa kế của cha để lại, phần của mẹ bà được hưởng thì mẹ bà đã có nguyện vọng khi còn sống là cho lại C nên bà không tranh chấp. Bà đồng ý trích 01 phần giá trị tài sản thừa kế để trả công sức đóng góp của ông C nhiều năm qua giữ gìn nhà cửa, thờ cúng cha, nuôi mẹ. Phần bà được hưởng thừa kế, bà đồng ý cho lại ông C được trọn quyền sở hữu và sử dụng. Q khai rằng đã tự khai phá một phần diện tích đất là không đúng vì khi cha mẹ bà về đây ở thì lúc đó cha mẹ chỉ có bà và A V, Q chưa được sinh ra. Khi cha mẹ còn sống, A em bà đã không thuận hòa. Khi cha mất thì L đã đặt vấn đề chia tài sản, nhiều lần hăm dọa, dùng những lời lẽ thiếu văn hóa đối vớiD, C. Khi mẹ bà mất, L cấm đoán A V,D và bà, không cho các A em bà đến nhà trong thời gian còn để tang mẹ vì các ông bà tự nguyện chia phần thừa kế của mình cho C. Trước đây, bà cũng nhiều lần hòa giải cho các A chị em nhưng không thành.

- *Ông Nguyễn Thanh X trình bày:* Ông thống nhất, cha mẹ ông là cụ Nhì, cụ Đ có 10 người con chung như ông C trình bày. Trong đó có ôngNguyễn Thanh P đã chết, ông P có vợ là đã ly hôn năm 2012 và có 03 người con là Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Mỹ T. Cha ông chết năm 2014, mẹ ông chết năm 2021 không để lại di chúc. Khi còn sống, cha mẹ ông tạo lập được tài sản như các A em đã trình bày. Nhà và đất này hiện Ny chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời gian qua, ông vợ chồng C quản lý, sử dụng căn nhà 85,2m^2 để nuôi dưỡng mẹ và thờ cúng cha. Căn nhà gỗ có diện tích 33,1m^2 được bà Tuyết A chăm sóc, lau chùi, thờ cúng ông P. Ông đồng ý để ông C được trọn quyền sử dụng và sở hữu nhà 85,2m^2 và quyền sử dụng đất gắn liền. Phần nhà và đất còn lại, ông yêu cầu được đồng sở hữu, sử dụng với L, Q, Tuyết A và các cháu là S,V, T. Đồng ý thanh toán phần chênh lệch lại nếu có nhận dư. Ông không đồng ý việc mẹ ông tặng cho phần mẹ ông được hưởng cho C vì khi mẹ ông tặng cho không thông báo cho các A em ông biết mà chỉ có ông V, bà N và bàD biết mà thôi.

- *Bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:* Cha mẹ bà là cụ Nhì, cụ Đ có 10 người con như ông L đã nêu. Cha bà chết vào năm 2014, không để lại di chúc. Bà thống nhất, di sản cha bà để lại là 185,2m^2 đất tọa lạc khóm Nguyễn Du. Theo văn bản ngày 16/9/2022, bà từ chối nhận di sản thừa kế.

- *Bà Nguyễn Thị Tuyết D trình bày:* Thống nhất về hàng thừa kế của cha mẹ. Các A em bà mỗi người một ý, khi mẹ bà còn sống thì cũng không thống nhất được việc chia tài sản. Ny, bà đồng ý chia toàn bộ di sản thừa kế của cha để lại, phần của mẹ thì mẹ bà đã có nguyện vọng khi còn sống là cho lại C nên bà không tranh chấp. Phần bà được hưởng thừa kế, bà đồng ý giao lại ông C được trọn quyền sở hữu và sử dụng. Về lời trình bày của Q tự khai phá 01 phần đất là không đúng vì khi cha mẹ bà về đây ở thì lúc đó cha mẹ chỉ có A V và chị N, chưa sinh Q. ÔngNguyễn Thanh P là con thứ 7 trong gia đình, đã ly hôn với vợ năm 2012 và

giao toàn bộ tài sản ho vợ con. Sau khi ly hôn, A P lâm bệnh nặng. Các con không ai chăm sóc. Cha mẹ bà mang A P về căn nhà nhỏ để tiện thăm nom. Quá trình A P phát bệnh đến khi P mất vào năm 2019 thì được cha mẹ và vợ chồng của C lo cơm nước hàng ngày. Căn nhà nhỏ này tiếp tục là nơi thờ cúng P và vợ chồng C là người thờ cúng, quét dọn, quản lý. Thời gian qua, A L là A nhưng có cách cư xử thô lỗ, xúc phạm các A em khác. Trong thời gian còn để tang mẹ thì cấm cản không cho bà và A V, chị N đến nhà để thắp nhang vì các ông bà tự nguyện tặng cho phần thừa kế của mình lại cho C.

Sở dĩ mẹ bà có di nguyện cho C phần tài sản của mẹ bởi vì C là người ngày đêm kề cận chăm sóc, hiếu thảo với mẹ thì mẹ yêu thương và tặng cho phần của mẹ là việc làm đương nhiên. Các A em còn lại, có gia đình ở xa không quan tâm, không thăm hỏi, có giỗ quải mới về tụ họp. Nói thêm về phần đất trống cặp ngay chính giữa hai căn nhà là cha mẹ để cho các A em dễ qua lại với nhau, có đất trống để thấy thoáng mát rộng rãi nên không xây dựng nhà. Đây không phải là lối đi công cộng hay lối đi của riêng các nhân nào. Bà Tuyết A lâu lâu mới qua thăm nom, lau chùi căn nhà 33,1m^2 một lần. Người thường xuyên thắp nhang, chăm sóc căn nhà này là vợ của C. Khi ông P bị bệnh gút, lao vòm họng, không có khả năng lao động, vợ thì ly hôn không ai chăm sóc thì mẹ tôi và vợ chồng C là người trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Bà Nguyễn Thị Ngọc E trình bày:* Bà và ông P ly hôn hơn 10 qua. Ngoài S,V, T thì bà và ông P không còn người con nào khác. Bà không tranh chấp gì đối với phần di sản thừa kế mà các A em của ông C yêu cầu chia. Bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện này. Bà không có yêu cầu gì khác.

- *A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:* Thống nhất với các cô chú về hàng thừa kế của ông bà nội, về tài sản ông bà nội để lại. Không đồng ý chia di sản thừa kế của ông bà nội là ông Nguyễn Văn Nhì và bà Đỗ Thị Đ. Về căn nhà 33,1m^2 thời gian qua do bà Nguyễn Thị Tuyết A quản lý, thờ cúng cha của các A chị. Căn nhà 85,2m^2 thời gian qua do ông C quản lý thờ cúng ông bà, làm nơi họp mặt con cháu. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật thì các A chị yêu cầu được nhận nhà, đất có diện tích 33,1m^2 kèm theo mái che. Đồng ý đồng sử dụng và sở hữu di sản thừa kế với các ông L, ông Q, ông X, bà Tuyết A. Các A chị không đồng ý trích một phần di sản thừa kế để trả công lao cho ông C thời gian qua nuôi dưỡng ông bà nội. Tại biên bản hòa giải ngày 08/92022, A S trình bày: Cha mẹ của A chỉ có A vàV, T là con. Qua yêu cầu khởi kiện của chú C, các A em của A thống nhất với cách chia tài sản như các cô chú L, Q, Tuyết A, X.

- *Bà Huỳnh Thị Khang Trang trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh C. Vợ chồng bà cùng hai con là Thịnh và Mai chung sống với cha mẹ chồng là cụ Nguyễn Văn Nhì và cụ Đỗ Thị Đ trong căn nhà có diện tích khoảng 90m^2 gắn với 185,2m^2 nhiều năm qua. Nhà đất thuộc khóm Nguyễn Du, chưa được cấp quyền sử dụng và sở hữu. Sau khi mẹ chồng bà chết, vợ chồng bà cùng con trai là Thịnh, con gái là Mai quản lý tài sản này đến Ny. Ny, qua yêu cầu khởi kiện của ông C, bà

không có ý kiến gì. Ngoài ra, bà còn có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án hòa giải, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử.

- *A Nguyễn Ngọc T trình bày:* A là con ruột của bà Trang, ông C. Hiện Ny, A đang sống với cha mẹ và em gái tại căn nhà có diện tích khoảng 90m^2 găn với 185,2m^2, nhà đất thuộc khóm Nguyễn Du. Ny qua yêu cầu khởi kiện của cha về việc chia thừa kế tài sản, A không có ý kiến gì. Ngoài ra, A còn có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án hòa giải, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang quyết định: "Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 163, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 613, Điều 624, Điều 632, Điều 634, Điều 646, Điều 651, Điều 652 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo di sản của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút.

[2]. Xác định những người thừa kế trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Nhì và bà Đỗ Thị Đ là các con ruột gồm Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Tuyết A, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Thị Tuyết D, Nguyễn Thanh C vàNguyễn Thanh P (đã chết năm 2019). Những người thừa kế trong hàng thừa kế thứ nhất của ông P là các con ruột gồm Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Mỹ T.

[3]. Xác định tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Nhì và bà Đỗ Thị Đ là:

- Đất có diện tích 183,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 5 – 45 – 8 – 35 – 36 – 38 – 21 – 39 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh L Xuyên. Giá trị đất là 439.680.000 (Bốn trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Nhà có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, có diện tích 85,2m^2, được giới hạn bởi các điểm 4 – 11 – 46 – 47 và nhà vệ sinh có diện tích 3,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 47 – 48 – 49 – 50 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên, có giá trị là 102.146.200 (một trăm lẻ hai triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm) đồng.

- Nhà có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, được giới hạn bởi các điểm 10 – 13 – 16 – 23, có diện tích 33,1m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên, có giá là 38.247.050 (ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

- Mái che nền láng xi măng cộng đal, cộng gạch bông, khung gỗ tràm, vách tole cộng mái tole, có diện tích 21,6m^2 , được giới hạn bởi các điểm 4 – 53 – 55 – 23 – 10 – 56 – 57 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên, có giá 11.318.400 (mười một triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm) đồng.

[4]. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh C và yêu cầu được hưởng phần tài sản ông được di tặng.

[5]. Các đương sự được hưởng tài sản thừa kế, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Thanh C được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 116,4m^2, được giới hạn bởi các điểm 37 – 42 – B – D – C – 39 – 5 – 45 – 8 – 35 – 36 – A (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên), được nhận quyền sở hữu căn nhà diện tích 85,2m^2 có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, được giới hạn bởi các điểm 4, 11, 46, 47, kèm nhà vệ sinh có diện tích 3,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 50 và một phần mái che có diện tích 3,2m^2 được giới hạn bởi các điểm B – 57 – 4 – D theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên).

Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T được đồng sử dụng diện tích đất là 66,8m^2 được giới hạn bởi các điểm 38 – 37 – 42 – B – D – C – 21 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên), được đồng sở hữu nhà có diện tích 33,1m^2, cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole được giới hạn bởi các điểm 10 – 13 – 16 – 23 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên), được đồng sở hữu một phần mái che nền láng xi măng cộng đal, cộng gạch bông, khung gỗ tràm, vách tole cộng mái tole, có diện tích 28,4m^2 được giới hạn bởi các điểm D – 53 – 55 – 21 – 23 – 10 – 56 – B (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên).

Ông Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch cho ông Nguyễn Thanh C là 14.965.200 (mười bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết A có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch cho ông Nguyễn Thanh C là 14.965.200 (mười bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm) đồng.

Ông Nguyễn Thanh Q Q có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch cho ông Nguyễn Thanh C là 14.965.200 (mười bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm) đồng.

Anh Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T phải liên đới nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thanh C giá trị tài sản chênh lệch là 14.965.200 đồng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết A có nghĩa vụ tháo dỡ mái che diện tích 5,9m^2 được giới hạn bởi các điểm 2 – 58 – 59 – 60 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 26/9/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên).

(Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh L Xuyên lập ngày 26/9/2022 là một phần không thể tách rời Bản án.)"

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố L Xuyên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố L Xuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20 tháng 02 năm 2023, các đương sự yêu cầu tạm ngừng phiên tòa, cho đo đạc lại để các đương sự thỏa thuận phân chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06 tháng 7 năm 2023, các đương sự thống nhất Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 09/5/2023 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L Xuyên và Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 22/02/202 (Bút lục 200, 201). Đồng thời, tự nguyện thỏa thuận chia di sản do cụ Nguyễn Văn Nhì, cụ Đỗ Thị Đ để lại và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận, như sau:

- Ông Nguyễn Thanh C được chia (bao gồm kỷ phần của ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Tuyết D tự nguyện tặng cho ông C) quyền sử dụng đất diện tích 84,7m^{2}được giới hạn bởi các điểm 5, 45, 8, 35, 59, 4, 64,; Nhà ở có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, diện tích 85,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 4, 11, 46, 47 và nhà vệ sinh có diện tích 3,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 50.

- Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T (là con ôngNguyễn Thanh P, chết năm 2019) được chia quyền sử dụng diện tích đất là 89,5m^2 được giới hạn bởi các điểm 39, 64, 4, 59, 36, 65, 38; Nhà ở có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, diện tích 33,1m^2 được giới hạn bởi các điểm 10, 13, 16, 23; Mái che nền láng xi măng cộng đal, cộng gạch bông, khung gỗ tràm, vách tole cộng mái tole, diện tích 21,6m^2 được giới hạn bởi các điểm 4, 53, 55, 21, 23, 10, 56, 57.

Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T, tự nguyện để lối đi đã có sẵn diện tích 26,9m^2 được giới hạn bởi các điểm

39, 64, 4, 59, 36, 65, 66, 67 sử dụng làm lối đi cho đến khi cơ quan có thẩm quyền xây dựng bờ kè có lối đi mới.

Bà Nguyễn Thị Tuyết A có nghĩa vụ tháo dỡ một phần mái che được giới hạn bởi các điểm 64, 63, 62 và giao điểm giữa đoạn thẳng 61 đến 62 với đoạn thẳng 4 đến 64 nằm trên quyền sử dụng đất diện tích 84,7m^{2}được chia cho ông Nguyễn Thanh C, khi ông C có yêu cầu.

(theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 09/5/2023 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L Xuyên)

Về chi phí tố tụng, ông Nguyễn Thanh C đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản tổng cộng là 11.556. 600 đồng; các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Ông Nguyễn Thanh C chịu 5.778.300 đồng;

- Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T liên đới chịu 5.778.300 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác đinh quan hệ pháp luật "Tranh chấp về thừa kế tài sản" thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm (27-9-2022), ngày 10 và 12 tháng 10 năm 2022 nguyên đơn ông Nguễn Thanh C và bị đơn ông Nguyễn Thanh L đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Những người vắng mặt đã có ủy quyền (người được ủy quyền có mặt), có người có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, họ đã có lời khai trong hồ sơ nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; do đó tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Cụ Nguyễn Văn Nhì (chết ngày 27/10/2014) cụ Đỗ Thị Đ (chết ngày 08/01/2022) không để lại di chúc, đương sự khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật là trong thời hiệu quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận những nộiD sau:

[5.1] Những người thừa kế theo pháp luật của cụ Nhì, cụ Đ gồm: Ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thanh X, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Tuyết A, bà Nguyễn Thị Tuyết H, ông Nguyễn Thanh Q, bà Nguyễn Thị Tuyết D, ông Nguyễn Thanh C và ôngNguyễn Thanh P (chết năm 2019, các con của ông P gồm A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Mỹ T là người thừa kế thế vị theo Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Bà Nguyễn Thị Tuyết H có văn bản từ chối nhận di sản; ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Tuyết D đồng ý tặng kỷ phần được hưởng cho ông Nguyễn Thanh C. Xét thấy, bàH từ chối nhận di sản, ông V, bà N và bà Tuyết tặng cho kỷ phần cho ông C là tự nguyện không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với người khác, không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 620 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[5.2] Di sản của cụ Nguyễn Văn Nhì và cụ Đỗ Thị Đ gồm:

- QSD đất diện tích 183,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 5, 45, 8, 35, 36, 38, 21, 39;

- Nhà ở có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, diện tích 85,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 4, 11, 46, 47 và nhà vệ sinh có diện tích 3,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 50;

- Nhà ở có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, diện tích 33,1m^2 được giới hạn bởi các điểm 10, 13, 16, 23;

- Mái che nền láng xi măng cộng đal, cộng gạch bông, khung gỗ tràm, vách tole cộng mái tole, diện tích 21,6m^2 được giới hạn bởi các điểm 4, 53, 55, 21, 23, 10, 56, 57;

(theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 09/5/2023 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L Xuyên).

[5.3] Các đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận những người nhận di sản và chia di sản do cụ Nhì, cụ Đ để lại như sau:

- Ông Nguyễn Thanh C được chia (bao gồm kỷ phần của ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Tuyết D tự nguyện tặng cho ông C) quyền sử dụng đất diện tích 84,7m^{2}được giới hạn bởi các điểm 5, 45, 8, 35, 59, 4, 64; Nhà ở có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, diện tích 85,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 4, 11, 46, 47 và nhà vệ sinh có diện tích 3,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 50.

- Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T (là những người thừa kế thế vị của ôngNguyễn Thanh P) được chia quyền sử dụng đất diện tích 89,5m^2 được giới hạn bởi các điểm 39, 64, 4, 59, 36, 65, 38;

Nhà ở có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, diện tích 33,1m^2 được giới hạn bởi các điểm 10, 13, 16, 23; Mái che nền láng xi măng cộng đal, cộng gạch bông, khung gỗ tràm, vách tole cộng mái tole, diện tích 21,6m^2 được giới hạn bởi các điểm 4, 53, 55, 21, 23, 10, 56, 57.

Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T, tự nguyện để (chừa) lối đi đã có sẵn diện tích 26,9m^2 được giới hạn bởi các điểm 39, 64, 4, 59, 36, 65, 66, 67 sử dụng làm lối đi cho đến khi cơ quan có thẩm quyền xây dựng bờ kè có lối đi mới.

Bà Nguyễn Thị Tuyết A có nghĩa vụ tháo dỡ một phần mái che được giới hạn bởi các điểm 64, 63, 62 và giao điểm giữa đoạn thẳng 61đến 62 với đoạn thẳng 4 đến 64, nằm trên quyền sử dụng đất diện tích 84,7m^2 được chia cho ông Nguyễn Thanh C, khi ông C có yêu cầu.

(theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 09/5/2023 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L Xuyên).

[5.4] Về chi phí tố tụng, ông Nguyễn Thanh C đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản tổng cộng là 11.556.600 đồng; các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Ông Nguyễn Thanh C chịu 5.778.300 đồng;

- Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T liên đới chịu 5.778.300 đồng.

[5.5] Từ những nhận định trên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội xét xử thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấp của luật và không trái đạo đức xã hội; do đó căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Thanh X, ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Tuyết A là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận.

[7] Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C và bị đơn Nguyễn Thanh L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các điều 147, 157, 161, 165, 227, 228, 244, 300 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 609, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C về yêu cầu tính công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo di sản.

2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự chia di sản của cụ Nguyễn Văn Nhì và cụ Đỗ Thị Đ, như sau:

2.1. Ông Nguyễn Thanh C được chia (bao gồm kỷ phần của ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Tuyết D tự nguyện tặng cho ông C) quyền sử dụng đất diện tích 84,7m^{2}được giới hạn bởi các điểm 5, 45, 8, 35, 59, 4, 64; Nhà ở có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, diện tích 85,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 4, 11, 46, 47 và nhà vệ sinh có diện tích 3,2m^2 được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 50.

Ông Nguyễn Thanh C có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 84,7m^2, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất (bao gồm công trình xây dựng và cây trồng trên diện tích 84,7m^2) theo bản án và Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 09/5/2023 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L Xuyên (kèm theo).

2.2. Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T (là những người thừa kế thế vị của ôngNguyễn Thanh P) được chia quyền sử dụng đất diện tích 89,5m^2 được giới hạn bởi các điểm 39, 64, 4, 59, 36, 65, 38; Nhà ở có cấu trúc nền gạch men, vách tole, khung gỗ vuông, mái tole, diện tích 33,1m^2 được giới hạn bởi các điểm 10, 13, 16, 23; Mái che nền láng xi măng cộng đal, cộng gạch bông, khung gỗ tràm, vách tole cộng mái tole, diện tích 21,6m^2 được giới hạn bởi các điểm 4, 53, 55, 21, 23, 10, 56, 57.

Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T, có quyền và nghĩa vụ đăng ký đồng sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 89,5m^2, đồng sở hữu quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất (bao gồm công trình xây dựng (trừ một phần nhà ở của ông Nguyễn Thanh Q được giới hạn bởi các điểm 14, 37, 58, 17) và cây trồng trên diện tích đất 89,5m^2) theo bản án và Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 09/5/2023 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L Xuyên (kèm theo).

Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T, tự nguyện để (chừa) lối đi đã có sẵn diện tích 26,9m^2 được giới hạn bởi các điểm 39, 64, 4, 59, 36, 65, 66, 67 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày

09/5/2023 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L Xuyên) sử dụng làm lối đi cho đến khi cơ quan có thẩm quyền xây dựng bờ kè có lối đi mới.

Bà Nguyễn Thị Tuyết A có nghĩa vụ tháo dỡ một phần mái che được giới hạn bởi các điểm 64, 63, 62 và giao điểm giữa đoạn thẳng 61đến 62 với đoạn thẳng 4 đến 64 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 09/5/2023 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh L Xuyên) nằm trên quyền sử dụng đất diện tích 84,7m^{2}được chia cho ông Nguyễn Thanh C, khi ông C có yêu cầu.

3. Về chi phí tố tụng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Ông Nguyễn Thanh C chịu 5.778.300 đồng (Năm triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm đồng).

Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T liên đới chịu 5.778.300 đồng (Năm triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm đồng). Ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Tuyết A và A Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mỹ T có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Thanh C số tiền 5.778.300 đồng (Năm triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh C phải chịu 3.817.827 đồng, được trừ tiền tạm ứng 8.000.000 đồng nên ông C được nhận lại 4.182.173 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002003 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang.

Miễn án phí cho ông Nguyễn Thanh X, ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Tuyết A.

Ông Nguyễn Thanh Q phải chịu 2.643.654 đồng.

Anh Nguyễn Thanh V, A Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Mỹ T phải liên đới chịu 2.643.654 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh C không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000870 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thanh L không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000895 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải thi hành cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND TP. L Xuyên;
- TAND TP. L Xuyên;
- Chi cục THADS TP. L Xuyên;
- Đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Văn phòng và lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khưu Để Dành